

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS) – Tinh Bột Biến Tính
Tên sản phẩm: Tinh Bột Biến Tính (Modified Starch)
CAS: 9005-84-9

Mục 1: Nhận dạng hóa chất

- Công thức hóa học: $(C_6H_{10}O_5)_n$
 - Sử dụng: Chất làm đặc, chất nhũ hóa, ổn định trong thực phẩm / công nghiệp
-

Mục 2: Nhận dạng môi nguy

- Theo SDS của Vedan: Sản phẩm **không phân loại là hóa chất nguy hiểm.**
 - Theo SDS của Foodchem:
 - Có thể gây **kích ứng mắt**
 - Có thể gây **kích ứng da**
 - Hít bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp hoặc tiêu hóa nhẹ
-

Mục 3: Thành phần / Thông tin về thành phần

- Thành phần: Modified Starch $\geq 95\%$
-

Mục 4: Biện pháp sơ cấp (First Aid)

- **Hít phải:** Đưa ra nơi thoáng khí; nếu khó thở hoặc có triệu chứng, đến cơ sở y tế.
 - **Da:** Rửa bằng xà phòng và nước.
 - **Mắt:** Rửa với nhiều nước sạch ít nhất 15 phút.
 - **Nuốt phải:** Không gây nôn; cho uống nước nếu tỉnh táo và theo dõi y tế nếu cần.
-

Mục 5: Biện pháp chữa cháy

- Có khả năng cháy ở nhiệt độ cao.
 - Sử dụng bột, CO₂, bột khô hoặc nước phun để chữa cháy.
 - Cần kiểm soát bụi vì có nguy cơ cháy bụi.
-

Mục 6: Biện pháp ứng phó sự cố

- Tránh tạo bụi khi thu dọn đổ tràn; dùng công cụ hút/bàn chải để thu gom.
 - Cho vào thùng kín để xử lý hoặc tái sử dụng.
-

Mục 7: Sử dụng và Bảo quản

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh độ ẩm cao.
 - Đậy kín bao bì sau khi sử dụng.
-

Mục 8: Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân

- Tránh hít bụi: nên sử dụng hệ thống thông gió hoặc hút khói.
 - Đeo khẩu trang lọc bụi, găng tay và kính bảo hộ khi xử lý.
-

Mục 9: Tính chất vật lý – hóa học

- Trạng thái: Bột rắn
- Màu sắc: Trắng hoặc ngà nhạt
- Mùi: Không rõ mùi đặc biệt
- Tính tan: Hòa tan hoặc phân tán trong nước tùy loại tinh bột biến tính.

Mục 10: Tính ổn định và phản ứng

- Ổn định dưới điều kiện thường.
- Không tương thích với chất oxy hóa mạnh.
- Khi phân hủy nhiệt: tạo thành CO và CO₂.

Mục 11: Thông tin độc tính

- Hít bụi: có thể gây kích ứng nhẹ đường hô hấp.
- Tiếp xúc da / mắt: có thể gây kích ứng.
- Nuốt: có thể gây kích ứng đường tiêu hóa nhẹ.

Mục 12: Thông tin sinh thái

- Có khả năng phân hủy sinh học tốt, ít độc đối với môi trường.

Mục 13: Xử lý chất thải

- Thu gom chất thải, xử lý theo quy định chất thải rắn.
- Bao bì trống: tái sử dụng hoặc tái chế nếu có thể.

Mục 14: Thông tin vận chuyển

- Không yêu cầu điều kiện đặc biệt theo một số SDS (ví dụ Alfa Aesar).

Mục 15: Thông tin quy định

- Theo SDS của Vedan: tinh bột biến tính **không phân loại là chất nguy hiểm**.

Mục 16: Thông tin khác

- SDS cập nhật mới nhất: theo SDS của hãng cung cấp (ví dụ: Vedan, Alfa Aesar, Di-Corp...)
- Khuyến cáo: Khi xử lý nhiều bụi, nên sử dụng bảo hộ cá nhân để tránh kích ứng.
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế